

BỘ NỘI VỤ

**BÁO CÁO SƠ BỘ
KẾT QUẢ ĐIỀU TRA CƠ SỞ HÀNH CHÍNH
NĂM 2021**

Hà Nội, tháng 12 năm 2021

MỤC LỤC

NỘI DUNG		Trang
LỜI NÓI ĐẦU		4
PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG		7
I. CÁC QUYẾT ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC ĐIỀU TRA CƠ SỞ HÀNH CHÍNH NĂM 2021 (PHỤ LỤC KÈM THEO)		7
II. MỘT SỐ KHÁI NIỆM SỬ DỤNG TRONG ĐIỀU TRA CƠ SỞ HÀNH CHÍNH NĂM 2021		7
PHẦN II. QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐIỀU TRA CƠ SỞ HÀNH CHÍNH NĂM 2021		11
PHẦN III. KẾT QUẢ SƠ BỘ ĐIỀU TRA CƠ SỞ HÀNH CHÍNH NĂM 2021		26
I. TỔNG QUAN CHUNG VỀ CÁC CƠ SỞ HÀNH CHÍNH VÀ LAO ĐỘNG TRONG CÁC CƠ SỞ HÀNH CHÍNH		27
1. Số lượng các cơ sở hành chính, cơ quan của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội		27
2. Lao động của các cơ sở hành chính, cơ quan của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội có nhiều biến động		29
II. ĐÁNH GIÁ MỘT SỐ CHỈ TIÊU CƠ BẢN VỀ LAO ĐỘNG		32
1. Số lượng lao động nữ trong khối cơ quan hành chính		32
2. Số lượng lao động trong các cơ sở hành chính phân theo nhóm tuổi		33
3. Trình độ đào tạo của lực lượng lao động		33
4. Lao động trong các cơ sở hành chính phân theo ngành công chức và tương đương		34
PHẦN VI. CÁC BIỂU SỐ LIỆU		36
Biểu 01 : Số lượng cơ sở hành chính, cơ quan của Đảng Cộng sản, Tổ chức Chính trị - Xã hội phân theo loại hình tổ chức và địa phương		37
Biểu 02 : Số lượng lao động trong các cơ sở hành chính, cơ quan của Đảng Cộng sản, Tổ chức Chính trị - Xã hội phân theo loại hình tổ chức và địa phương tính tại thời điểm 31/12/2020		38
Biểu 03 : Cơ cấu lao động trong các cơ sở hành chính, cơ quan của Đảng Cộng sản, Tổ chức Chính trị - Xã hội phân theo loại hình tổ chức và địa phương tại thời điểm 31/12/2020		40
Biểu 04_2 : Số lượng các cơ sở thuộc cơ sở hành chính, cơ quan của Đảng Cộng sản, Tổ chức Chính trị - Xã hội phân theo loại hình tổ chức và địa phương		42
Biểu 6 : Số lượng lao động trong các cơ sở hành chính, cơ quan của Đảng Cộng sản, Tổ chức Chính trị - Xã hội phân theo nhóm tuổi và địa phương tại thời điểm 31/12/2020		43
Biểu 06_2 : Số lượng lao động trong các cơ sở hành chính, cơ quan của Đảng Cộng sản, Tổ chức Chính trị - Xã hội phân theo loại lao động và địa phương tại thời điểm 31/12/2020		45

Biểu 06_3	: Cơ cấu lao động trong các cơ sở hành chính, cơ quan của Đảng Cộng sản, Tổ chức Chính trị - Xã hội phân theo loại lao động và địa phương tại thời điểm 31/12/2020	46
Biểu 07	: Cơ cấu lao động trong các cơ sở hành chính, cơ quan của Đảng Cộng sản, Tổ chức Chính trị - Xã hội phân theo nhóm tuổi và địa phương tại thời điểm 31/12/2020	49
Biểu 08_2	: Số lượng lao động trong các cơ sở hành chính phân theo loại hình tổ chức và địa phương tại thời điểm 31/12/2020	51
Biểu 1_4	: Số lượng lao động trong các cơ sở hành chính, cơ quan của Đảng Cộng sản, Tổ chức Chính trị - Xã hội phân theo trình độ chuyên môn và địa phương tại thời điểm 31/12/2020	53
Biểu 1_5	: Cơ cấu lao động trong các cơ sở hành chính, cơ quan của Đảng Cộng sản, Tổ chức Chính trị - Xã hội phân theo trình độ chuyên môn và địa phương tại thời điểm 31/12/2020	55
Biểu 2_2	: Số lượng lao động trong các cơ sở hành chính, cơ quan của Đảng Cộng sản, Tổ chức Chính trị - Xã hội phân theo ngạch công chức và chức danh nghề nghiệp và địa phương tại thời điểm 31/12/2020	57
Biểu 2_3	: Cơ cấu lao động trong các cơ sở hành chính, cơ quan của Đảng Cộng sản, Tổ chức Chính trị - Xã hội phân theo ngạch công chức và chức danh nghề nghiệp và địa phương tại thời điểm 31/12/2020	59
Biểu 3_2	: Lao động trả lương bình quân trong các cơ sở hành chính, cơ quan của Đảng Cộng sản, Tổ chức Chính trị - Xã hội phân theo loại hình tổ chức và địa phương năm 2020	61
Biểu 3_3	: Cơ cấu lao động trả lương bình quân trong các cơ sở hành chính, cơ quan của Đảng Cộng sản, Tổ chức Chính trị - Xã hội phân theo loại hình tổ chức và địa phương năm 2020	63
Biểu 4_2	: Số lượng cơ sở hành chính, cơ quan của Đảng Cộng sản, Tổ chức Chính trị - Xã hội có Cổng thông tin/Trang thông tin điện tử riêng phân theo loại hình tổ chức và địa phương	65
Biểu 4_3	: Tỷ lệ cơ sở hành chính, cơ quan của Đảng Cộng sản, Tổ chức Chính trị - Xã hội có Cổng thông tin/Trang thông tin điện tử riêng phân theo loại hình tổ chức và địa phương	67
Biểu 5_0	: Số lượng các cơ sở hành chính, cơ quan của Đảng Cộng sản, Tổ chức Chính trị - Xã hội có hoạt động đổi mới/cải tiến mô hình tổ chức hoạt động năm 2020 phân theo loại hình tổ chức và địa phương	69
Biểu 5_1	: Tỷ lệ các cơ sở hành chính, cơ quan của Đảng Cộng sản, Tổ chức Chính trị - Xã hội có hoạt động đổi mới/cải tiến mô hình tổ chức hoạt động năm 2020 phân theo loại hình tổ chức và địa phương	71
Biểu 7_6	: Số lượng các cơ sở hành chính, cơ quan của Đảng Cộng sản, Tổ chức Chính trị - Xã hội có sử dụng dịch vụ Internet phân theo loại hình tổ chức và địa phương	73
	Phụ lục: Các Quyết định về tổ chức điều tra cơ sở hành chính năm 2021	75

LỜI NÓI ĐẦU

Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 (Điều tra CSHC) được thực hiện theo Quyết định số 1096/QĐ-BNV ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về tổ chức Điều tra cơ sở hành chính năm 2021, Quyết định số 1006/QĐ-BNV ngày 26/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành Phương án Điều tra cơ sở hành chính năm 2021, Quyết định số 88/QĐ-BNV ngày 02/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc điều chỉnh Phương án Điều tra cơ sở hành chính năm 2021. Đây là cuộc điều tra thống kê quốc gia trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia theo Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 nhằm thu thập thông tin về số cơ sở hành chính, số lượng, trình độ của lực lượng lao động đang làm việc trong các cơ sở hành chính; kết quả thu chi của cơ sở hành chính ở nước ta nhằm rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chính sách quản lý, kế hoạch, quy hoạch phát triển ngành, vùng, phát triển cơ sở hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực... đáp ứng yêu cầu quản lý của Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương; tổng hợp các chỉ tiêu thống kê quốc gia chính thức năm 2020 của các chuyên ngành có liên quan đến khối cơ quan hành chính; bổ sung số liệu cho các cuộc điều tra thống kê chọn mẫu hàng năm, tính toán chỉ tiêu GDP và GRDP, và các chỉ tiêu khác thuộc hệ thống tài khoản quốc gia của cả nước, từng địa phương; cập nhật cơ sở dữ liệu và dàn mẫu tổng thể về cơ sở hành chính cho các cuộc điều tra chọn mẫu trong những năm tiếp theo của ngành Nội vụ, các Bộ, ngành, địa phương và thu thập một số thông tin chuyên đề phục vụ tổng kết, đánh giá một số Đề án, Nghị quyết lớn.

Đây là cuộc Điều tra thống kê quốc gia có quy mô lớn, lần đầu tiên Bộ Nội vụ triển khai thực hiện đã nhận được sự hỗ trợ rất lớn của Tổng cục Thống kê, sự phối hợp của các Bộ, ngành, địa phương và ứng dụng triệt để công nghệ thông tin trong hoạt động Điều tra gồm thu thập thông tin và xử lý dữ liệu đã giúp nâng cao hiệu quả của cuộc Điều tra. Dữ liệu điều tra được quản lý tập trung trên hệ thống công nghệ thông tin trực tuyến tại Trung ương, được phân quyền tới các cấp ở địa phương phục vụ công tác xử lý và khai thác số liệu. Từ tháng 3/2021 đến tháng 12/2021, Điều tra CSHC đã được triển khai tập trung, thống nhất từ Trung ương đến địa phương thông qua các Ban chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính các cấp ở địa phương, Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính Bộ Quốc phòng, Ban Chỉ đạo Điều tra cơ sở hành chính Bộ Công an.

Mặc dù cuộc Điều tra đã bị tác động của đại dịch Covid-19 làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện. Tuy nhiên, với sự quyết tâm chính trị, sự chỉ đạo quyết liệt và linh hoạt thích ứng của Ban Chỉ đạo các cấp, công tác thu thập thông tin và nghiệm thu kết quả điều tra đã hoàn thành trong tháng 12/2021, chậm 3 tháng so với kế hoạch đề ra; đạt yêu cầu để xử lý, tổng hợp số liệu công bố kết quả sơ bộ của cuộc Điều tra theo kế hoạch.

Nhằm phổ biến kịp thời thông tin phục vụ lãnh đạo Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các địa phương và người dùng tin, Ban Chỉ đạo Điều tra cơ sở hành chính Trung ương công bố báo cáo về kết quả sơ bộ Điều tra CSHC theo các chỉ tiêu thống kê chủ yếu về số lượng, lao động của các cơ sở hành chính đồng thời đưa ra nhận định khái quát về những thay đổi do tác động của các chính sách kinh tế, xã hội của Đảng và Nhà nước trong 5 năm qua.

Kết quả chính thức Điều tra CSHC sẽ được công bố trong quý II năm 2022 với hệ thống các chỉ tiêu thống kê chi tiết, đầy đủ, những phân tích chuyên sâu, chuyên đề thông qua nhiều hình thức (sách, đĩa CD, website, cơ sở dữ liệu vi mô, vĩ mô...) nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu thông tin thống kê cho công tác lãnh đạo của Đảng, quản lý Nhà nước và tất cả các đối tượng sử dụng thông tin khác.

Ban chỉ đạo Điều tra cơ sở hành chính Trung ương trân trọng cảm ơn các Bộ, ngành, địa phương, các đơn vị điều tra đã tích cực phối hợp với Ban chỉ đạo Trung ương và cơ quan Nội vụ các cấp trong quá trình triển khai thực hiện cuộc Điều tra này.

BAN CHỈ ĐẠO ĐIỀU TRA CƠ SỞ HÀNH CHÍNH TRUNG ƯƠNG

PHẦN I
GIỚI THIỆU CHUNG

I. CÁC QUYẾT ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC ĐIỀU TRA CƠ SỞ HÀNH CHÍNH NĂM 2021

(Phụ lục kèm theo)

II. MỘT SỐ KHÁI NIỆM SỬ DỤNG VÀ LƯU Ý TRONG ĐIỀU TRA CƠ SỞ HÀNH CHÍNH NĂM 2021

1. Đối tượng điều tra

Đối tượng điều tra là tổ chức chứa đựng thông tin cần thu thập. Trong cuộc điều tra này, đối tượng điều tra được xác định là *đơn vị cơ sở* hay còn được gọi là *đơn vị ngành kinh tế theo địa bàn*. Đơn vị cơ sở là đơn vị kinh tế thỏa mãn các điều kiện sau đây:

(1) Có địa điểm xác định trên lãnh thổ Việt Nam để trực tiếp thực hiện hoặc quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc các ngành kinh tế;

(2) Có chủ thể sở hữu và người đứng đầu chịu trách nhiệm quản lý, điều hành hoạt động, có lao động chuyên nghiệp;

(3) Có thời gian hoạt động liên tục hoặc định kỳ theo mùa vụ hoặc theo tập quán kinh doanh;

(4) Mỗi đơn vị cơ sở chỉ đóng tại 1 địa bàn xã, phường, thị trấn (gọi chung là xã) và chỉ tiến hành 1 loại hoạt động kinh tế cấp 3.

Trường hợp, một đơn vị cơ sở đóng trên cùng một địa điểm nhưng thuộc địa bàn quản lý của 2 hoặc 3 xã, quy ước đơn vị cơ sở được tính vào địa bàn xã có diện tích hoạt động sản xuất lớn nhất. Nếu chưa xác định được theo diện tích, tiếp tục xem xét đến địa điểm thực hiện công tác quản lý (hợp, phổ biến nghiệp vụ,...) để sắp xếp đơn vị cơ sở vào địa bàn xã phù hợp.

Căn cứ vào giá trị sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm chính do đơn vị cơ sở tạo ra để xác định ngành kinh tế của đơn vị cơ sở.

Đối tượng điều tra của cơ sở hành chính là đơn vị cơ sở chỉ thực hiện 1 loại hoạt động hành chính trong phạm vi 1 ngành kinh tế cấp 3 trên địa bàn của 1 xã.

2. Đơn vị điều tra

Đơn vị điều tra là tổ chức hành chính mà qua đó tiếp cận với đối tượng điều tra để thu thập thông tin.

Theo số lượng cơ sở, đơn vị điều tra được chia thành:

- *Đơn vị điều tra đơn cơ sở* là đơn vị điều tra chỉ có một đơn vị cơ sở đóng trên cùng địa bàn xã với văn phòng quản lý. Đơn vị điều tra đơn cơ sở được xếp vào ngành hoạt động của đơn vị cơ sở duy nhất của nó.

- *Đơn vị điều tra đa cơ sở* là đơn vị điều tra có từ hai đơn vị cơ sở đóng trên cùng xã với văn phòng quản lý hoặc có ít nhất một đơn vị cơ sở đóng tại địa

bàn xã khác. Các đơn vị cơ sở khác được xếp vào ngành hoạt động dựa trên sản phẩm chính mà đơn vị sản xuất ra.

Đơn vị hành chính, tổ chức chính trị - xã hội gồm các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, có sử dụng con dấu và tài khoản riêng. Cụ thể gồm:

- Các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị xã hội ở các cấp từ Trung ương đến địa phương;

- Các tổ chức chính trị - xã hội gồm Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam, Đoàn TNCS HCM, Hội liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu Chiến binh.

3. Nội dung điều tra về kết quả hoạt động của cơ sở hành chính

3.1. Hoạt động hành chính

3.1.1. Doanh thu của đơn vị phản ánh số thu hoạt động của đơn vị bao gồm thu từ NSNN cấp, thu từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài và từ nguồn phí được khấu trừ, để lại.

a) Thu từ NSNN (tài khoản 511) gồm:

- Thu thường xuyên: Phản ánh các khoản NSNN cấp cho đơn vị để thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên hoặc hỗ trợ đột xuất khác được tính là nguồn đảm bảo chi thường xuyên và các khoản NSNN cấp khác ngoài các nội dung nêu trên.

- Thu không thường xuyên: Phản ánh các khoản thu do NSNN cấp cho các nhiệm vụ không thường xuyên như kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ (đối với đơn vị không phải là tổ chức khoa học công nghệ);

- Thu hoạt động khác: Phản ánh các khoản thu hoạt động khác phát sinh tại đơn vị được cơ quan có thẩm quyền giao dự toán (hoặc không giao dự toán) và yêu cầu phải báo cáo quyết toán theo Mục lục NSNN phần được để lại đơn vị.

b) Thu từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài (tài khoản 512) phản ánh việc tiếp nhận, sử dụng nguồn viện trợ không hoàn lại hoặc nguồn vay nợ của nước ngoài do đơn vị làm chủ dự án.

c) Thu từ nguồn phí được khấu trừ, để lại (tài khoản 514) phản ánh các khoản phí thu được từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện hoặc số phí thu được từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị thực hiện mà được để lại (đối với cơ quan nhà nước) theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.

3.1.2. Chi phí phản ánh các khoản chi mang tính chất hoạt động thường xuyên và không thường xuyên (kể cả chi từ nguồn tài trợ, biếu tặng nhỏ lẻ) theo dự toán chi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc phân loại chi thường

xuyên, chi không thường xuyên được thực hiện theo quy định của cơ chế tài chính hiện hành.

Chi phí hoạt động đơn vị sự nghiệp bao gồm các khoản chi từ nguồn NSNN cấp (thường xuyên và không thường xuyên, mục tài khoản 611), chi từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài (tài khoản 612), từ nguồn phí được khấu trừ, để lại (tài khoản 614) và được chi tiết theo các nội dung chi:

- Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên.
- Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng.
- Chi phí hao mòn TSCĐ.
- Chi phí hoạt động khác.

3.1.3. *Thặng dư/thâm hụt* bằng doanh thu trừ chi phí.

3.2. Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ

3.2.1. *Doanh thu sản xuất kinh doanh* (tài khoản 531) các khoản thu của hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ như: Các khoản doanh thu về bán sản phẩm, hàng hóa, ấn chỉ, cung cấp dịch vụ; khoản thu về các đề tài, dự án liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân; thu dịch vụ đào tạo; dịch vụ dạy nghề; dịch vụ y tế; dịch vụ văn hóa; dịch vụ thể thao và du lịch; dịch vụ thông tin truyền thông và báo chí; dịch vụ khoa học và công nghệ; dịch vụ sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác; thu cho thuê tài sản (kể cả thu của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản cho sử dụng chung theo quy định của pháp luật); các khoản thu dịch vụ khác theo quy định của pháp luật (như dịch vụ gửi xe, cho thuê kiốt...).

3.2.2. Chi phí

3.2.2.1. Giá vốn hàng bán (tài khoản 632) phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ và hàng bán bị trả lại.

Trong đó tách riêng giá vốn hàng bán đối với hoạt động thương mại.

3.2.2.2. Chi phí quản lý (tài khoản 642) phản ánh các chi phí quản lý của hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ gồm các chi phí về lương, BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN của cán bộ quản lý bộ phận sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; tiền thuê đất, lệ phí môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng, lệ phí giao thông, lệ phí cầu phà, chi phí phát sinh liên quan đến hàng bán trả lại...) của bộ phận sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không phân bổ được trực tiếp vào từng sản phẩm, nhóm sản phẩm, dịch vụ, nhóm dịch vụ và chi phí khấu hao TSCĐ chỉ sử dụng cho bộ phận quản lý sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

3.2.3. *Thặng dư/thâm hụt* bằng Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh trừ chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh.

3.3. Hoạt động tài chính

3.3.1. *Doanh thu tài chính* (tài khoản 515) phản ánh các khoản doanh thu của hoạt động tài chính như các khoản lãi; cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản thu tài chính khác phát sinh tại đơn vị.

3.3.2. *Chi phí tài chính* (tài khoản 615) phản ánh những khoản chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến ngân hàng như phí chuyển tiền, rút tiền (trừ phí chuyển tiền lương vào tài khoản cá nhân của người lao động trong đơn vị; phí chuyển tiền, rút tiền đã được tính vào chi hoạt động thường xuyên theo quy định của quy chế tài chính) và các khoản chi phí tài chính khác như: các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyên nhượng vốn khi thanh lý các khoản vốn góp liên doanh; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái; lỗ chuyên nhượng chứng khoán, chi phí giao dịch bán chứng khoán; chi phí đi vay vốn; chiết khấu thanh toán cho người mua; các khoản chi phí tài chính khác...

3.3.3. *Thặng dư/thâm hụt* bằng doanh thu tài chính trừ chi phí tài chính.

3.4. Hoạt động khác

3.4.1. *Doanh thu* (tài khoản 711) là phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài các khoản thu hoạt động do NSNN cấp; thu viện trợ, vay nợ nước ngoài; thu phí khấu trừ, để lại; thu hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; các khoản thu hộ... của đơn vị như thu nhập từ thanh lý tài sản, nhượng bán tài sản.

3.4.2. *Chi phí* (tài khoản 811) phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các đơn vị như chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản, chênh lệch lỗ do đánh giá lại tài sản.

3.4.3. *Thặng dư/thâm hụt* bằng doanh thu trừ chi phí.

PHẦN II
QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
ĐIỀU TRA CƠ SỞ HÀNH CHÍNH NĂM 2021

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐIỀU TRA CSHC

1.1. Mục đích, nội dung và kế hoạch thực hiện

a) Mục đích

Điều tra CSHC nhằm thu thập thông tin về số cơ sở hành chính, số lượng, trình độ của lực lượng lao động đang làm việc trong các cơ sở hành chính; kết quả thu chi của cơ sở hành chính ở nước ta nhằm đáp ứng các mục đích sau:

Một là, rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chính sách quản lý, kế hoạch, quy hoạch phát triển ngành, vùng, phát triển cơ sở hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực... đáp ứng yêu cầu quản lý của Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương;

Hai là, tổng hợp các chỉ tiêu thống kê chính thức năm 2020 của các chuyên ngành có liên quan đến khối cơ quan hành chính (số cơ sở hành chính, số lượng, trình độ của lực lượng lao động đang làm việc trong các cơ sở hành chính; kết quả thu chi của cơ sở hành chính...);

Ba là, bổ sung số liệu cho các cuộc điều tra thống kê chọn mẫu hằng năm, tính toán chỉ tiêu GDP và GRDP và các chỉ tiêu khác thuộc hệ thống tài khoản quốc gia của cả nước, từng địa phương;

Bốn là, cập nhật cơ sở dữ liệu và dàn mẫu tổng thể về cơ sở hành chính cho các cuộc điều tra chọn mẫu trong những năm tiếp theo của ngành Nội vụ, các Bộ, ngành, địa phương.

b) Nội dung điều tra

* Nội dung Điều tra CSHC năm 2021 tập trung vào 02 phần:

Phần A. Thông tin chung của các đơn vị hành chính: gồm 05 nhóm thông tin

A1. Thông tin định danh

- Tên, địa chỉ, số điện thoại, email;
- Thông tin về người đứng đầu đơn vị;
- Loại đơn vị, loại hình tổ chức của đơn vị;
- Thông tin về cấu trúc của đơn vị.

A2. Thông tin về lao động của đơn vị

- Lao động thời điểm đầu kỳ (01/01/2020);
- Lao động cuối kỳ (31/12/2020): phân theo loại lao động, phân theo nhóm tuổi, phân theo trình độ chuyên môn, phân theo ngạch công chức và chức danh nghề nghiệp;
- Lao động trả lương các tháng trong năm 2020;

- Tình hình tinh giản biên chế của các đơn vị trong giai đoạn 2015- 2020.

A3. Thông tin về tài sản của đơn vị

- Tài sản đầu kỳ, cuối kỳ;
- Tình hình đầu tư, mua sắm, chữa lớn tài sản cố định trong năm;
- Tình hình sử dụng đất của đơn vị.

A4. Thông tin về hoạt động của đơn vị

- Doanh thu, chi phí hoạt động của đơn vị trong năm 2020;
- Thông tin về sản phẩm vật chất và dịch vụ của đơn vị sản xuất ra trong năm 2020.

A5. Ứng dụng công nghệ thông tin và hoạt động đổi mới sáng tạo của đơn vị trong năm 2020

Phần B. Thông tin về các địa điểm trực thuộc đơn vị

- Thông tin định danh về các địa điểm trực thuộc;
- Thông tin về lao động các địa điểm;
- Thông tin về các sản phẩm thuộc địa điểm và chi phí hoạt động/chi phí sản xuất kinh doanh của các địa điểm trực thuộc.

*** Phiếu hỏi**

Các nhóm thông tin cần điều tra được thu thập theo 01 loại phiếu điều tra: Phiếu 1/HC - TB.

c) Kế hoạch thu thập thông tin

Điều tra CSHC thực hiện thu thập thông tin từ ngày 01 tháng 3 năm 2021 đến ngày 30 tháng 4 năm 2021.

1.2. Phương pháp thu thập thông tin

Điều tra CSHC áp dụng phương pháp điều tra gián tiếp trong thu thập thông tin. Phiếu điều tra điện tử (trực tuyến) được xây dựng và thực hiện trên Trang Thông tin điện tử của Điều tra CSHC để các đơn vị điều tra tự kê khai thông tin.

Điều tra CSHC năm 2021 được thực hiện trong bối cảnh nhu cầu thông tin thống kê ngày càng được yêu cầu cao hơn với mức độ phân tổ chi tiết hơn; những lợi thế của công nghệ thông tin đòi hỏi các hoạt động Điều tra CSHC năm 2021 cần phải tận dụng những lợi thế công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng, hiệu quả của thông tin thống kê trong bối cảnh chung về nguồn lực con người và kinh phí hạn chế. Do vậy, đòi hỏi việc thiết kế và thực hiện Điều tra CSHC năm 2021 phải phù hợp với những yêu cầu mới, thay đổi mới. Trong quá trình tổ chức thực

hiện từ khâu xây dựng phương án điều tra, thiết kế bảng hỏi... Ban Chỉ đạo Trung ương đã phối hợp chặt chẽ với Tổng cục Thống kê để cập nhật những điểm mới phù hợp với yêu cầu. Đó là yêu cầu về nội dung, số lượng thông tin cần thu thập; áp dụng khái niệm chuẩn quốc tế về đơn vị cơ sở; ứng dụng triệt để công nghệ thông tin và phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương và địa phương để thực hiện Điều tra; nâng cao chất lượng thông tin và tiết kiệm kinh phí.

II. TRIỂN KHAI THU THẬP THÔNG TIN

2.1. Công tác tổ chức, chỉ đạo

Để chỉ đạo thực hiện Điều tra CSHC năm 2021, Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ban hành các Quyết định số 1140/QĐ-BNV ngày 27 tháng 12 năm 2019 về việc thành lập Ban chỉ đạo Điều tra cơ sở hành chính Trung ương năm 2021. Theo đó, Bộ trưởng Bộ Nội vụ là Trưởng ban Ban chỉ đạo, Thứ trưởng Bộ Nội vụ là Phó trưởng ban Ban chỉ đạo cùng thành viên là lãnh đạo Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, lãnh đạo Tổng cục Thống kê - Bộ Kế hoạch và Đầu tư và lãnh đạo một số đơn vị thuộc Bộ Nội vụ. Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quyết định số 02/QĐ-BNV ngày 02 tháng 01 năm 2020 về việc thành lập Tổ thường trực giúp việc Ban chỉ đạo Điều tra cơ sở hành chính Trung ương năm 2021, do Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính làm Tổ trưởng.

Ban Chỉ đạo Điều tra CSHC Trung ương cũng đã có Công văn số 4837/BNV-KHTC ngày 05 tháng 10 năm 2019 về việc chuẩn bị Điều tra CSHC gửi Tổng cục Thống kê - Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất thành lập chung Ban chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính các cấp ở địa phương và các Bộ, cơ quan Trung ương.

Cụ thể:

- Có 772 Ban chỉ đạo cấp tỉnh, cấp huyện đã được thành lập chung, trong đó 01 đồng chí lãnh đạo ngành Nội vụ tham gia Phó trưởng ban Ban chỉ đạo cấp tỉnh, cấp huyện. Trong đó:

- + Thành lập 63 Ban chỉ đạo cấp tỉnh;
- + Thành lập 709 Ban chỉ đạo cấp huyện;

Trong quá trình chỉ đạo thực hiện Điều tra, Ban chỉ đạo Trung ương đã ban hành nhiều văn bản gửi Ban Chỉ đạo các cấp và các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương và các đơn vị có liên quan để hướng dẫn thu thập thông tin, kiểm tra giám sát, nghiệm thu kết quả Điều tra và nhiều văn bản đôn đốc, thông báo tới Ban chỉ đạo các cấp để tổ chức thực hiện Điều tra.

2.2. Phối hợp với các bộ, ngành

Trong quá trình thực hiện Điều tra CSHC năm 2021, Ban chỉ đạo Trung ương đã chủ động phối hợp, thực hiện các công việc liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của bộ, ngành phụ trách, cụ thể:

- Phối hợp với Bộ Tài chính bố trí đủ kinh phí Điều tra CSHC năm 2021 theo dự toán.

- Phối hợp với Tổng cục Thống kê trong công tác: Hỗ trợ nghiệp vụ, chia sẻ dữ liệu kết quả Điều tra CSHC với Tổng cục Thống kê; chia sẻ dữ liệu kết quả Điều tra đơn vị sự nghiệp, hội, tôn giáo với Bộ Nội vụ; triển khai kế hoạch tập huấn và tuyên truyền của Ban chỉ đạo Trung ương.

- Phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an trong công tác: hoàn thiện Phương án điều tra theo phương án của Ban chỉ đạo Trung ương; hoàn thiện dự toán kinh phí; tổ chức thu thập thông tin của các cơ sở hành chính; tổ chức thu thập xử lý thông tin và gửi cơ sở dữ liệu về Ban chỉ đạo Trung ương theo đúng thời hạn quy định.

- Với các bộ, ngành, các cơ quan Trung ương có liên quan: chỉ đạo Tổ công tác thực hiện thu thập thông tin của các đơn vị trực thuộc theo hướng dẫn của Ban chỉ đạo Trung ương.

2.3. Công tác tuyên truyền

Công tác tuyên truyền Điều tra CSHC năm 2021 được thực hiện theo nhiều hình thức, gồm:

- Kết hợp tuyên truyền cùng với Tổng điều tra kinh tế năm 2021 trên các phương tiện thông tin đại chúng như trên sóng phát thanh, truyền hình, báo chí; tuyên truyền thông qua Cổng thông tin điện tử của Bộ Nội vụ và qua Tạp chí Tổ chức nhà nước, Tạp chí Tổ chức nhà nước điện tử trong suốt quá trình thực hiện cuộc Điều tra.

- Nội dung tuyên truyền: tập trung vào các nội dung điều tra tại Quyết định số 1006/QĐ-BNV ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành Phương án Điều tra cơ sở hành chính năm 2021, Quyết định số 88/QĐ-BNV ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc điều chỉnh Phương án Điều tra cơ sở hành chính năm 2021.

- Thường xuyên cập nhật thông tin trên Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ và Tạp chí Tổ chức Nhà nước điện tử về tiến độ và kết quả nghiệm thu của Ban Chỉ đạo Trung ương với Ban Chỉ đạo các tỉnh, thành phố và Ban Chỉ đạo của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

2.4. Công tác tập huấn nghiệp vụ

a) Tập huấn cấp Trung ương

Đã phối hợp với Tổng cục Thống kê tổ chức Hội nghị tập huấn cấp Trung ương Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 từ ngày 11 - 13/01/2021. Thành phần tham dự hội nghị tập huấn trực tiếp là 446 đại biểu, trực tuyến là khoảng 1.200 đại biểu.

Ban chỉ đạo Bộ Quốc phòng đã tổ chức 02 Hội nghị tập huấn Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 cho Ban chỉ đạo, tổ giúp việc, giảng viên của các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp trực thuộc Bộ Quốc phòng từ ngày 18 - 19/01/2021 tại Hà Nội và từ ngày 22 - 23/01/2021 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Ban chỉ đạo Trung ương đã hỗ trợ Bộ Quốc phòng thực hiện 02 lớp tập huấn nghiệp vụ trực tiếp tại thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, cử giảng viên tham dự 02 hội nghị tập huấn.

Tổ chức tập huấn cho Ban chỉ đạo, Tổ thường trực giúp việc Điều tra cơ sở hành chính Bộ Công an tại trụ sở Bộ Công an.

Phối hợp với Tổng cục Thống kê tổ chức thành công Hội nghị tập huấn Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 cho Tổ công tác của các bộ, ngành, cơ quan Trung ương và điều tra viên sự nghiệp khối Trung ương vào ngày 24/02/2021.

Tổ chức tập huấn về nghiệp vụ kiểm tra, giám sát điều tra cơ sở hành chính cho đội ngũ giám sát viên, quản trị viên cấp trung ương tại trụ sở Bộ Nội vụ.

Ngoài ra, Tổ Thường trực Trung ương đã tạo nhóm Điều tra CSHC Bộ Nội vụ trên ứng dụng zalo với hơn 200 thành viên tham gia là các lãnh đạo Sở Nội vụ, các quản trị viên, giám sát viên các cấp. Đặc biệt, trong quá trình triển khai điều tra, các Ban chỉ đạo địa phương cũng hình thành các nhóm zalo để triển khai nhiệm vụ, một số địa phương đã mời thành viên Tổ thường trực Trung ương tham gia nhóm để hướng dẫn trực tiếp.

b) Tập huấn cấp địa phương

Sau hội nghị tập huấn cấp Trung ương, Ban chỉ đạo Tổng điều tra các cấp đã tổ chức các lớp tập huấn cấp tỉnh và cấp huyện cho thành viên Ban chỉ đạo, giám sát viên và quản trị hệ thống các cấp. Tổng số giám sát viên, quản trị hệ thống các cấp tham gia cuộc Điều tra khoảng 6.050 người.

2.5. Công tác thu thập thông tin

Công tác thu thập thông tin được thực hiện từ ngày 01 tháng 3 năm 2021. Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 kéo dài, từ tháng 4/2021, công tác thu thập thông tin đã bị ảnh hưởng nghiêm trọng; tại các tỉnh, thành phố phía Nam đã có

thời gian phải tạm dừng các hoạt động liên quan đến điều tra để phòng, chống dịch Covid-19. Công tác thu thập thông tin và nghiệm thu kết quả Điều tra CSHC đã cơ bản hoàn thành vào ngày 15 tháng 12 năm 2021.

Trong quá trình tổ chức thực hiện cuộc Điều tra, còn một số địa phương, Bộ ngành, cơ quan Trung ương chưa có sự phối hợp đồng bộ nên cũng kéo dài thời gian thu thập thông tin. Ban chỉ đạo Trung ương đã thường xuyên liên lạc để đôn đốc tới các Bộ và các đơn vị chưa hoàn thành cung cấp thông tin để yêu cầu thực hiện nhiệm vụ.

2.6. Công tác kiểm tra, giám sát

Điều tra CSHC năm 2021 được thực hiện bằng hình thức điều tra trực tuyến (web-form) nên công tác kiểm tra giám sát được thực hiện song song với công tác thu thập thông tin; kết hợp hai hình thức giám sát trực tuyến (online) và giám sát trực tiếp tại thực địa. Ban Chỉ đạo Trung ương đã ban hành Kế hoạch số 996/KH-BCĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021 về Kiểm tra, giám sát, thanh tra các hoạt động điều tra của cuộc Điều tra CSHC năm 2021. Nội dung kiểm tra, giám sát tập trung vào quy trình thực hiện Điều tra và thống nhất về chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao chất lượng thông tin; giám sát về tiến độ thực hiện.

a) Giám sát trực tuyến (online)

- Quá trình giám sát trực tuyến được phân công cho tất cả các giám sát viên các cấp, bảo đảm 63 tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương (viết tắt là tỉnh, thành phố) đều được giám sát.

- Nội dung giám sát trực tuyến gồm:

- + Kiểm tra, đôn đốc về tiến độ điều tra của các tỉnh, thành phố;
- + Kiểm tra, giám sát việc thực hiện kê khai phiếu;
- + Giải đáp thắc mắc và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình điều tra.

b) Kiểm tra, giám sát trực tiếp tại thực địa

- Do tác động của dịch bệnh Covid, Ban chỉ đạo Trung ương đã thực hiện kiểm tra, giám sát trực tiếp tại 05 tỉnh, thành phố¹.

- Nội dung giám sát thực địa gồm:

+ Làm việc với Sở Nội vụ các tỉnh về tình hình triển khai Điều tra CSHC của tỉnh: những thuận lợi, khó khăn và các kiến nghị, đề xuất với Ban chỉ đạo Trung ương;

+ Kiểm tra, giám sát thực tế việc thu thập thông tin tại một số cơ sở hành chính trên địa bàn giám sát;

¹ Gồm: TP Hồ Chí Minh, Lâm Đồng, Long An, Đồng Nai, Đồng Tháp

+ Giải đáp các thắc mắc và xử lý các vấn đề phát sinh tại chỗ.

Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện chủ yếu bằng hình thức trực tuyến trên trang điều hành tác nghiệp. Các vấn đề bất cập, khó khăn vướng mắc (nếu phát hiện) đều được báo cáo Ban chỉ đạo các cấp để kịp thời xử lý.

III. KIỂM TRA, LÀM SẠCH VÀ NGHIỆM THU

3.1. Công tác kiểm tra, làm sạch phiếu

Ban chỉ đạo Trung ương đã ban hành 02 văn bản: Công văn số 2352/BNV-BCĐ ngày 23 tháng 5 năm 2021 hướng dẫn nghiệm thu kết quả Điều tra CSHC năm 2021 và Quyết định số 938/QĐ-BNV ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành Quy trình nghiệm thu cấp Trung ương và rà soát, làm sạch phiếu Điều tra CSHC năm 2021.

Lực lượng giám sát viên các cấp tiến hành kiểm tra logic, đối chiếu với hồ sơ kiểm chứng gồm: Báo cáo tài chính, Quyết định giao biên chế, Bảng lương của cơ sở hành chính, xem nội dung phiếu để triển khai soát xét, kiểm tra lại số liệu. Công tác này được tập trung vào một số thông tin quan trọng trên phiếu điều tra như:

- Thông tin về lao động, trong đó chú trọng Lao động thuộc biên chế hành chính; Thông tin về số lao động trả lương các tháng; số biên chế giai đoạn 2015-2020; thông tin về tài sản, đầu tư mua sắm tài sản cố định, doanh thu, chi phí (chi phí tiền lương tiền công; hao mòn tài sản cố định...).

3.2. Công tác nghiệm thu

Công tác nghiệm thu kết quả điều tra được thực hiện ở tất cả Ban chỉ đạo các cấp (Ban chỉ đạo cấp trên nghiệm thu đối với Ban chỉ đạo cấp dưới). Công tác nghiệm thu được thực hiện thống nhất theo hướng dẫn của Ban chỉ đạo Trung ương. Ban Chỉ đạo các cấp tiến hành nghiệm thu trên cơ sở rà soát, đối chiếu thông tin trên phiếu điều tra với tài liệu kiểm chứng được cơ quan chức năng phê duyệt. Ban Chỉ đạo Trung ương tiến hành chọn mẫu Phiếu nghiệm thu và đối chiếu với các tài liệu kiểm chứng để đảm bảo tính chính xác, trung thực với các báo cáo được cơ quan chức năng phê duyệt; đồng thời đánh giá chất lượng thông tin cung cấp trên Phiếu điều tra. Qua nghiệm thu, Ban chỉ đạo các cấp đã yêu cầu chỉnh sửa, hoàn thiện lại nhiều chỉ tiêu chưa chính xác, khớp đúng trên Phiếu điều tra để kết quả điều tra đạt chất lượng tốt nhất.

Việc nghiệm thu đã góp phần đánh giá công tác tổ chức triển khai thu thập thông tin trong Điều tra của Ban chỉ đạo các cấp; xác nhận đúng, đủ số lượng, bảo đảm chất lượng thông tin thu thập từng loại phiếu điều tra; làm căn cứ cho việc thanh, quyết toán kinh phí. Cụ thể:

- Công tác nghiệm thu của Ban chỉ đạo cấp tỉnh với các Ban chỉ đạo cấp

huyện cơ bản hoàn thành vào tháng 10/2021.

- Công tác nghiệm thu cấp Trung ương được thực hiện theo hình thức trực tuyến là chủ yếu nhằm bảo đảm an toàn trong phòng chống dịch Covid-19; đây là lần đầu tiên một cuộc điều tra áp dụng nghiệm thu theo hình thức này. Ban chỉ đạo Trung ương thành lập các Đoàn nghiệm thu, do thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương làm trưởng đoàn để tiến hành nghiệm thu tại từng địa phương. Công tác nghiệm thu cấp Trung ương được thực hiện từ ngày 01/9/2021 và hoàn thành trong nửa đầu tháng 12/2021. Cụ thể, đã tiến hành nghiệm thu trực tiếp tại 04 tỉnh, thành phố² và nghiệm thu trực tuyến đối với 59 tỉnh, thành phố.

IV. KINH PHÍ

Dự toán kinh phí thực hiện Điều tra CSHC năm 2021 theo phương án ban đầu là 83,3 tỷ đồng, kinh phí được cấp 31,5 tỷ đồng, kinh phí thực hiện 28,8 tỷ đồng, tiết kiệm gần 55 tỷ đồng. Trong đó bao gồm chi cho ứng dụng công nghệ thông tin; chi cho các Ban chỉ đạo tỉnh, thành phố, Bộ Quốc phòng và cho các Tổ công tác của các Bộ, cơ quan Trung ương, chi khen thưởng...; Riêng Ban chỉ đạo Điều tra CSHC Bộ Công an có văn bản gửi Ban chỉ đạo Trung ương tự cân đối nguồn kinh phí thực hiện Điều tra.

V. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

5.1. Phần mềm công nghệ thông tin

Ban chỉ đạo Trung ương đã xây dựng các phần mềm ứng dụng của Điều tra CSHC năm 2021, bao gồm:

- a) Phần mềm quản lý mạng lưới
 - Quản lý hệ thống các danh mục các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
 - Quản lý danh mục các Bộ ngành trung ương
 - Quản lý danh mục các đơn vị cấp huyện
 - Quản lý danh mục đơn vị cấp xã
 - Quản lý danh mục biểu mẫu, bảng kê
 - Quản lý lập danh sách nền đơn vị hành chính
 - Quản lý thiết lập các biểu mẫu
 - Quản lý nhập phiếu điều tra
 - Quản lý giám sát tiến độ điều tra
 - Quản lý giám sát chất lượng số liệu phiếu điều tra
 - Quản lý tổng hợp báo cáo nhanh
- b) Phần mềm quản lý điều hành tác nghiệp
 - Quản trị hệ thống điều hành tác nghiệp
 - Quản lý và Giám sát điều tra
 - Quản lý văn bản điều hành liên quan tới điều tra

² Gồm : Hà Nội, Quảng Ninh, Ninh Bình, Thanh Hóa

- Quản lý tài liệu nghiệp vụ
 - Quản lý Sổ tay hướng dẫn.
 - Quản lý Tài liệu tuyên truyền.
 - Quản lý thông tin Quy trình điều tra
 - Quản lý thông tin hỏi – đáp về điều tra
 - Quản lý các tiện ích phục vụ điều tra
- c) Phần mềm quản lý kho dữ liệu
- Quản trị hệ thống dữ liệu
 - Quản lý danh mục dùng chung
 - Quản lý nhập cơ sở dữ liệu
 - Tổng hợp số liệu nhập liệu theo chỉ tiêu
 - Quản lý các biểu báo cáo số liệu (biểu nhập liệu)
 - Nhập liệu theo biểu mẫu
 - Tổng hợp số liệu nhập liệu theo báo cáo
 - Quản lý tra cứu, tìm kiếm
 - Quản lý báo cáo thông kê số liệu
 - Các chức năng kết nối, đồng bộ dữ liệu
- d) Phần mềm quản lý khai thác dữ liệu.
- Quản trị hệ thống khai thác dữ liệu
 - Quản lý khai thác số liệu
 - Quản lý truy vấn số liệu
 - Quản lý thao tác với số liệu theo bảng hiển thị
 - Quản lý thao tác với số liệu theo biểu đồ.
 - Quản lý kiểu hiển thị số liệu
 - Quản lý kết xuất số liệu theo các file định dạng
 - Quản lý Tra cứu số liệu Cơ sở hành chính theo tỉnh
 - Tra cứu số liệu Cơ sở hành chính theo huyện
 - Tra cứu số liệu Cơ sở hành chính theo xã
 - Tra cứu số liệu Cơ sở hành chính theo Loại đơn vị cơ sở hành chính
 - Tra cứu số liệu Cơ sở hành chính theo cơ quan thuộc hệ thống lập pháp
 - Tra cứu số liệu Cơ sở hành chính theo cơ quan hành pháp
 - Tra cứu số liệu Cơ sở hành chính theo cơ quan tư pháp
 - Tra cứu số liệu Cơ sở hành chính theo loại lao động
 - Khai thác báo cáo theo nhóm chỉ tiêu
 - Khai thác báo cáo theo chỉ tiêu
 - Khai thác báo cáo theo danh sách biểu
 - Xem báo cáo theo địa bàn
 - Xem báo cáo tới cấp Tỉnh
 - Xem báo cáo tới cấp Huyện
 - Xem báo cáo tới cấp xã

- Lọc tìm kiếm nội dung báo cáo
- Lọc tìm kiếm theo nội dung báo cáo
- Kết xuất kết quả báo cáo ra file định dạng

d) Phần mềm tích hợp chữ ký số quản lý hệ thống

- Quản lý cấu hình phần mềm
- Quản lý mẫu chữ ký
- Quản lý kiểm tra thông tin chứng thư số người ký
- Quản lý ký số
- Quản lý kiểm tra ký số
- Quản lý xác thực đăng nhập dùng chứng thư số

e) Các Trang thông tin điện tử về điều hành tác nghiệp, giám sát; tuyên truyền Điều tra, gồm: Trang thông tin điện tử về điều tra: <https://moha.gov.vn/dieutracshc.html>; Trang thông tin tuyên truyền về điều tra: <https://moha.gov.vn>; <https://tcnn.vn>.

Các loại phần mềm đã được xây dựng và hoàn thiện phục vụ thu thập thông tin, kiểm tra, giám sát được hoàn thành và đưa vào sử dụng góp phần rất lớn vào việc giảm tải công việc liên quan đến kiểm tra, giám sát của giám sát viên các cấp và nâng cao chất lượng thông tin thu thập. Các phần mềm được xây dựng có hướng dẫn sử dụng bằng bản word, ứng dụng trả lời trực tiếp trên bảng hỏi, videoclips hướng dẫn sử dụng cung cấp cho người dùng trên mạng Internet.

Kết quả điều tra được tích hợp kết quả của 03 đơn vị triển khai thu thập, gồm: Bộ Nội vụ, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng. Các phần mềm phục vụ xử lý, tổng hợp kết quả và phổ biến đầu ra đã được triển khai áp dụng hiệu quả. Các sản phẩm đầu ra kết quả điều tra sẽ được phổ biến hình ảnh hóa (dashboard) kết hợp khai thác trên kho dữ liệu điều tra năm 2021.

5.2. Hạ tầng công nghệ thông tin

Hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin bảo đảm vận hành thông suốt cho người cung cấp thông tin và giám sát viên các cấp cùng đồng thời đăng nhập hệ thống. Hệ thống dự phòng cũng được thiết lập để sẵn sàng kích hoạt khi có sự cố rủi ro xảy ra đối với hệ thống chính thức. Hệ thống đã đáp ứng nhu cầu của gần 33 nghìn cơ sở hành chính kê khai phiếu điều tra trực tuyến.

Công tác bảo đảm an toàn, an ninh hệ thống được đặc biệt quan tâm. Cụ thể: ngoài hệ thống dự phòng, hệ thống sao lưu (backup) được thiết lập thực hiện tự động mỗi 04 giờ/lần. Tổ Thường trực Trung ương phối hợp với Ban Cơ yếu Chính phủ đánh giá an toàn, an ninh hệ thống trước khi đưa vào vận hành chính thức, xây dựng kịch bản khắc phục các sự cố đối phó với các cuộc tấn công hệ thống từ bên ngoài để bảo đảm an toàn, an ninh hệ thống; tổ chức trực hệ thống

24/7 trong thời gian thực hiện Điều tra CSHC. Hệ thống liên tục được theo dõi, quản trị; những nguy cơ tấn công từ các địa chỉ lạ, có tần suất trập cập cao và truy cập có chủ đích tấn công đều được giám sát và vô hiệu hoá.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các công đoạn của điều tra giúp công tác giám sát được thực hiện song song cả hai hình thức là trực tiếp và trực tuyến góp phần nâng cao chất lượng thông tin ngay trong thời gian thu thập thông tin tại địa bàn. Phiếu điều tra điện tử đã giúp rút ngắn thời gian thu thập, xử lý, hỗ trợ điều tra gián tiếp (cung cấp thông tin trực tuyến) đặc biệt trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp.

VI. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC, THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM TỪ CUỘC ĐIỀU TRA

6.1. Kết quả đạt được

Đây là lần đầu tiên ngành Nội vụ chủ trì triển khai một cuộc điều tra thống kê quốc gia lớn và quan trọng. Công tác chuẩn bị Điều tra CSHC được thực hiện từ cuối năm 2019 và đã nhận được sự hỗ trợ, giúp đỡ rất lớn của Tổng cục Thống kê - Bộ Kế hoạch và Đầu tư cùng sự phối hợp của các Bộ, ngành, địa phương và đã ứng dụng triệt để công nghệ thông tin trong quá trình điều tra từ thu thập thông tin đến tổng hợp, xử lý dữ liệu. Dữ liệu Điều tra được quản lý tập trung trên hệ thống công nghệ thông tin trực tuyến tại Trung ương, được phân quyền tới các cấp ở địa phương phục vụ công tác xử lý và khai thác số liệu.

Cuộc Điều tra CSHC được thực hiện thuận lợi, thông suốt và đã hoàn thành thu thập thông tin của 32.304 cơ sở hành chính đạt 99,99%. Công tác nghiệm thu, làm sạch, xử lý dữ liệu được thực hiện nghiêm túc; công tác bàn giao dữ liệu được thực hiện đúng thời gian quy định, đảm bảo chất lượng và thành công của cuộc Điều tra. Tuy nhiên trong cuộc Điều tra CSHC vẫn còn 01 đơn vị không phối hợp cung cấp thông tin³.

Ban chỉ đạo Trung ương đã phối hợp cùng Ban chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế tổ chức hội nghị tổng kết và công bố kết quả sơ bộ Điều tra cơ sở hành chính; tổng kết, rút kinh nghiệm, đồng thời kịp thời động viên, khen thưởng những tập thể, cá nhân thực hiện tốt nhiệm vụ, góp phần tạo nên thành công của cuộc Điều tra CSHC năm 2021.

6.2. Thuận lợi

Ngay từ đầu, Bộ Nội vụ, Ban chỉ đạo Điều tra CSHC Trung ương đã tập trung chỉ đạo xây dựng kế hoạch, phân công và xử lý các công việc để đảm bảo cuộc Điều tra đạt kết quả cao nhất, đảm bảo mục tiêu đề ra.

³Cục Dự trữ nhà nước khu vực Hà Bắc thuộc BCĐ tỉnh Bắc Ninh thu thập, đã đôn đốc nhiều lần nhưng không cung cấp.

Trong quá trình triển khai, Ban Chỉ đạo Trung ương và các Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính Bộ Quốc phòng, Ban Chỉ đạo Điều tra cơ sở hành chính Bộ Công an, Ban Chỉ đạo các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Sở Nội vụ các tỉnh đã tập trung chỉ đạo quyết liệt, ban hành các văn bản hướng dẫn, tổ chức tập huấn theo đúng hướng dẫn của Ban Chỉ đạo Trung ương.

Đội ngũ thường trực giúp việc Ban Chỉ đạo, nhất là đội ngũ Giám sát viên, Quản trị viên các cấp đã làm việc tích cực, trách nhiệm, nhiệt tình, phối hợp chặt chẽ với Ban Chỉ đạo Trung ương, Tổ thường trực giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương để thực hiện nhiệm vụ. Có sự phối hợp, giúp đỡ chuyên môn của ngành thống kê và nhiều địa phương được Cục Thống kê của tỉnh hỗ trợ.

6.3. Khó khăn

Đây là cuộc điều tra thống kê quốc gia có quy mô lớn, lần đầu tiên ngành Nội vụ triển khai thực hiện, nên bước đầu có nhiều lúng túng và khó khăn trong quá trình tổ chức điều tra, phải ban hành nhiều văn bản hướng dẫn và xử lý những tình huống phát sinh trong quá trình điều tra.

Đội ngũ cán bộ, công chức, đội ngũ quản trị hệ thống, giám sát viên các cấp đều là kiêm nhiệm, trình độ về ứng dụng công nghệ thông tin, tài chính kế toán, nghiệp vụ thống kê còn nhiều hạn chế.

Công việc triển khai trùng với việc chuẩn bị Đại hội Đảng bộ các cấp; triển khai nhiệm vụ bầu cử Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp nên công tác thực hiện nhiệm vụ điều tra cơ sở hành chính đôi khi còn chưa đảm bảo về tiến độ và thời gian theo yêu cầu.

Quá trình điều tra diễn ra trong bối cảnh đại dịch Covid-19 bùng phát kéo dài, đặc biệt đối với một số tỉnh phía Bắc và các tỉnh phía Nam, đã gây nhiều trở ngại ảnh hưởng đến công tác tổ chức, tiến độ và chất lượng của cuộc điều tra.

Nhiều địa phương có địa bàn rộng, đi lại khó khăn và là tỉnh nghèo nên cơ sở hạ tầng, trang thiết bị còn thấp, trình độ dân trí còn nhiều hạn chế.

Sự phối hợp của một số cơ sở hành chính trong việc cung cấp thông tin chưa được tốt, một số địa phương chưa có sự phối hợp giữa Sở Nội vụ và Cục Thống kê tỉnh.

6.4. Một số bài học kinh nghiệm rút ra từ cuộc điều tra

Thứ nhất: Về công tác chỉ đạo điều hành

Để thực hiện thành công cuộc điều tra cần có sự chỉ đạo, điều hành và vào cuộc của cả hệ thống chính trị Trung ương đến địa phương. Chú trọng công tác ban hành, quán triệt, triển khai và thực hiện đúng kịp thời các văn bản chỉ đạo,

điều hành; Phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể, linh hoạt dựa vào tình hình thực tế trong quá trình triển khai điều tra; Thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các kế hoạch nhiệm vụ đề ra của cuộc điều tra đảm bảo về chất lượng và tiến độ; Kịp thời có những chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ trong suốt quá trình triển khai điều tra thu thập thông tin; Chủ động trong công tác phối hợp với các cơ quan, ban, ngành;

Thứ hai: Về công tác xây dựng Phương án điều tra và xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện, cần được xây dựng kỹ lưỡng, khoa học, cũng như việc lựa chọn thời điểm, thời gian tiến hành cuộc Điều tra phù hợp sẽ ảnh hưởng rất lớn tới kết quả cuộc Điều tra.

Thứ ba: Chú trọng công tác kiểm tra, giám sát

Công tác kiểm tra giám sát cần thực hiện đồng thời, song song suốt quá trình tiến hành thu thập thông tin. Phân công rõ trách nhiệm của các giám sát viên trong quá trình giám sát. Tổ chức kết hợp giám sát trực tiếp và trực tuyến (online) để tăng tính ứng phó linh hoạt và nâng cao chất lượng số liệu.

Thứ tư: Về công tác tuyên truyền, tập huấn. Các cơ sở hành chính, người cung cấp thông tin phải hiểu rõ về trách nhiệm, nghĩa vụ cung cấp thông tin thống kê theo luật định, từ đó tham gia tích cực trong quá trình tổ chức triển khai; đồng thời phải chú trọng công tác tập huấn, hướng dẫn kịp thời để những người tham gia cuộc Điều tra hiểu và làm tốt chức trách, nhiệm vụ của mình.

Thứ năm: Đẩy mạnh và coi trọng ứng dụng công nghệ thông tin vào thu thập số liệu và tổng hợp, phân tích kết quả điều tra. Mặt khác, tính chủ động, sáng tạo khi gặp tình huống cực kỳ khó khăn như đại dịch Covid-19 cần được phát huy, như việc tổ chức các buổi làm việc với địa phương, nghiệm thu cấp Trung ương thực hiện qua hình thức trực tuyến đã mang lại hiệu quả khá cao trong điều kiện hạn chế tiếp xúc do dịch bệnh.

VII. CÁC SẢN PHẨM VÀ KẾ HOẠCH CÔNG BỐ KẾT QUẢ ĐIỀU TRA CSHC NĂM 2021

7.1. Các sản phẩm của Điều tra CSHC năm 2021

Tiếp theo Báo cáo “Tổ chức thực hiện và Kết quả sơ bộ Điều tra CSHC năm 2021”, Ban Chỉ đạo Điều tra CSHC Trung ương dự kiến sẽ biên soạn và công bố một số báo cáo và sản phẩm điện tử bao gồm:

- (1) Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 - Kết quả chính thức;
- (2) Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 - Tổng quan mô hình tổ chức cơ sở hành chính ở từng địa phương từ cấp huyện trở lên;

(3) Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 - Phân tích chất lượng lao động trong các cơ sở hành chính;

(4) Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 - Mô hình tổ chức đơn vị hành chính cấp xã và chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã;

(5) Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 - Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động hành chính;

(6) Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 - Kết quả hoạt động của cơ sở hành chính;

(7) Bảng điều khiển điện tử (Dashboard) Điều tra cơ sở hành chính năm 2021;

(8) Kho dữ liệu Điều tra cơ sở hành chính năm 2021.

Các dạng ấn phẩm, sản phẩm điện tử sẽ được đăng tải trên Trang Web của Bộ Nội vụ, Tổng cục Thống kê.

7.2. Kế hoạch công bố kết quả Điều tra cơ sở hành chính năm 2021

Dự kiến kế hoạch công bố các sản phẩm tiếp theo của Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 như sau:

- Kết quả chính thức Điều tra cơ sở hành chính năm 2021: Công bố vào Quý II năm 2022;

- Các báo cáo phân tích chuyên đề: Công bố vào Quý IV năm 2022;

- Các địa phương công bố kết quả sơ bộ sau khi Ban Chỉ đạo ĐTCSHC Trung ương công bố kết quả sơ bộ; công bố kết quả chính thức sau khi Ban Chỉ đạo ĐTCSHC Trung ương công bố kết quả chính thức.

PHẦN III
KẾT QUẢ SƠ BỘ ĐIỀU TRA CƠ SỞ HÀNH CHÍNH
NĂM 2021

I. TỔNG QUAN CHUNG VỀ CÁC CƠ SỞ HÀNH CHÍNH VÀ LAO ĐỘNG TRONG CÁC CƠ SỞ HÀNH CHÍNH

1. Số lượng các cơ sở hành chính, cơ quan của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội năm 2020 giảm so với năm 2016

Tính đến thời điểm 31/12/2020 cả nước có 32.304 cơ sở hành chính, giảm 7,25% so với năm 2016⁴ - tương đương 2.520 cơ sở, bình quân giai đoạn 2016-2020 giảm 1,86%/năm, trong đó, số cơ sở thuộc hệ thống hành pháp chiếm số lượng lớn nhất là 25.271 cơ sở (chiếm tỷ lệ 78,2%), thứ hai là số cơ sở thuộc hệ thống tổ chức chính trị - xã hội là 4.208 cơ sở (chiếm 13%), thứ ba là số cơ sở thuộc hệ thống tư pháp với 1.728 cơ sở (chiếm 5,3%), thứ tư là cơ sở thuộc cơ quan của Đảng cộng sản Việt Nam với 1.045 cơ sở (chiếm 3,2%) và số lượng cơ sở thuộc hệ thống lập pháp là 52 cơ sở chiếm tỷ lệ thấp nhất (chiếm tỷ lệ 0,16%). Nguyên nhân giảm số lượng cơ sở hành chính chủ yếu do thay đổi tiêu chí cơ sở hành chính và do sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy.

Bảng 01: Số lượng và cơ cấu cơ sở hành chính, cơ quan của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội năm 2020

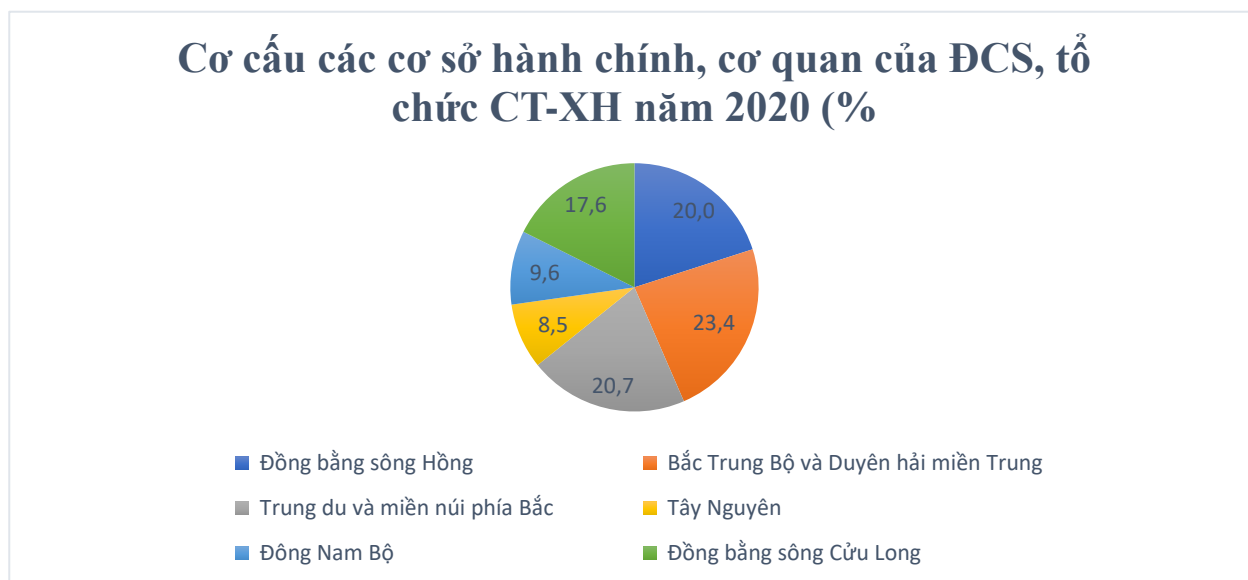
STT	Chỉ tiêu	Số lượng (cơ sở)	Cơ cấu (%)
1	Tổng số	32,304	100,00
2	Cơ quan thuộc hệ thống lập pháp (Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội)	52	0,16
3	Cơ quan hành pháp (Chính phủ, Bộ/ngành, HĐND, UBND các cấp và cơ sở thuộc hệ thống cơ quan hành pháp)	25.271	78,23
4	Cơ quan tư pháp (Tòa án, Viện Kiểm sát, cơ sở thuộc Tòa án, Viện Kiểm sát)	1.728	5,35
5	Cơ quan thuộc Đảng Cộng sản Việt Nam	1.045	3,23
6	Cơ sở thuộc tổ chức chính trị - xã hội	4.208	13,03

Trên phạm vi cả nước, vùng kinh tế Bắc trung bộ và Duyên hải miền trung có số lượng cơ sở hành chính, cơ quan của Đảng cộng sản và tổ chức chính trị - xã hội lớn nhất với 7.574 cơ sở, chiếm 23,4%, thứ hai là vùng trung du và miền núi phía bắc với 6.701 cơ sở, chiếm 20,7%; thứ ba là vùng đồng bằng sông Hồng

⁴ Các số liệu năm 2017 được sử dụng từ nguồn: Kết quả Tổng điều tra kinh tế năm 2017, NXB Thống kê - 2018

với 6.473 cơ sở, chiếm 20%; thứ tư là vùng đồng bằng sông Cửu Long với 5.689 cơ sở, chiếm 17,6%; vùng Tây Nguyên và Đông Nam bộ là hai vùng có số lượng cơ sở thấp nhất tương ứng là 2.761 và 3.106 cơ sở, chiếm tỷ lệ tương ứng là 8,5% và 9,6%.

Hình 01: Cơ cấu cơ sở hành chính, cơ quan của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội năm 2020 (%)



Đặc biệt số đơn vị hành chính trên cả nước giảm so với số liệu điều tra năm 2017, cụ thể khối đơn vị hành chính cấp huyện giảm từ 713 đơn vị hành chính năm 2017 xuống còn 707 đơn vị hành chính năm 2021, tỷ lệ giảm 0,84%, tương đương 06 đơn vị hành chính cấp huyện; đơn vị hành chính cấp xã có số lượng giảm nhiều hơn, từ 11.162 đơn vị xuống còn 10.614 đơn vị, giảm 548 đơn vị hành chính cấp xã.

Bảng 2. Biến động đơn vị hành chính năm 2020

A	Cấp hành chính	Đơn vị hành chính	2016	2020	Tăng (giảm)	Tỷ lệ (%) tăng (giảm)
1	Cấp tỉnh		63	63	-	-
2	Cấp huyện		713	707	(6)	(0,84)
		1 Thành phố	68	78	10	14,71
		2 Thị xã	50	51	1	2,00
		3 Quận	49	49	-	-
		4 Huyện	546	529	(17)	(3,11)
3	Cấp xã		11.162	10.614	(548)	(4,91)
		1 Xã	8.974	8.295	(679)	(7,57)
		2 Phường	1.585	1.714	129	8,12
		3 Thị Trấn	603	605	2	0

2. Lao động trong các cơ sở hành chính, cơ quan của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội tăng so với năm 2016 do mở rộng phạm vi điều tra.

Tổng số lao động trong các cơ sở hành chính, cơ quan của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội là 1.459 nghìn người, tăng 462 nghìn người so với năm 2016, tương ứng với tăng 46,3%. Nguyên nhân tăng số lượng lao động chủ yếu do:

- Tăng do mở rộng phạm vi điều tra về lao động (tất cả số lượng lao động trả lương trong đơn vị);

- Tăng do bổ sung một số đơn vị tại cuộc Tổng điều tra kinh tế năm 2017 nằm trong khối sự nghiệp, điều tra năm 2021 chuyển sang khối cơ sở hành chính thực hiện (Bảo hiểm xã hội từ trung ương đến địa phương, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh...);

- Một số trường hợp tăng cơ học khác (viên chức của một số đơn vị sự nghiệp như văn hóa thông tin, thể dục thể thao, y tế.. thuộc cấp huyện do sắp xếp lại đơn vị sự nghiệp).

Loại trừ các yếu tố tăng cơ học, số lao động trong các cơ sở hành chính có xu hướng giảm.

Bảng 03. Số lượng, lao động của các cơ sở hành chính năm 2020

	Số cơ sở, tổ chức	Lao động (1000 người)	% tăng, giảm so với 2016		% tăng/giảm BQ năm thời kỳ 2016 -2020	
			Số lượng	Lao động	Số lượng	Lao động
TỔNG SỐ						
1. Cơ sở hành chính, cơ quan của Đảng, tổ chức CT-XH	32.304	1.459	-7,25	+46,33	-1,86	9,99
Trong đó:						
1.1. Cơ sở hành chính	27.051	1.387,9				
1.2. Cơ quan thuộc Đảng	1.045	40,0				
1.3. Tổ chức CT-XH	4.208	31,2				

Số lượng lao động trong các cơ quan hành chính, cơ quan của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội có sự khác biệt rõ nét

Trong tổng số 1.459 nghìn lao động, số lượng lao động của cơ sở hành chính chiếm số lượng lớn nhất với 1.349,8 nghìn lao động, chiếm đến 92,5%; tiếp đến là cơ sở thuộc cơ quan của Đảng Cộng sản với 39,95 nghìn lao động chiếm 2,7%; cơ sở thuộc cơ quan tư pháp là 35,9 nghìn lao động chiếm 2,5%; cơ sở thuộc tổ chức chính trị - xã hội là 31,2 nghìn lao động chiếm 2,1% và lao động

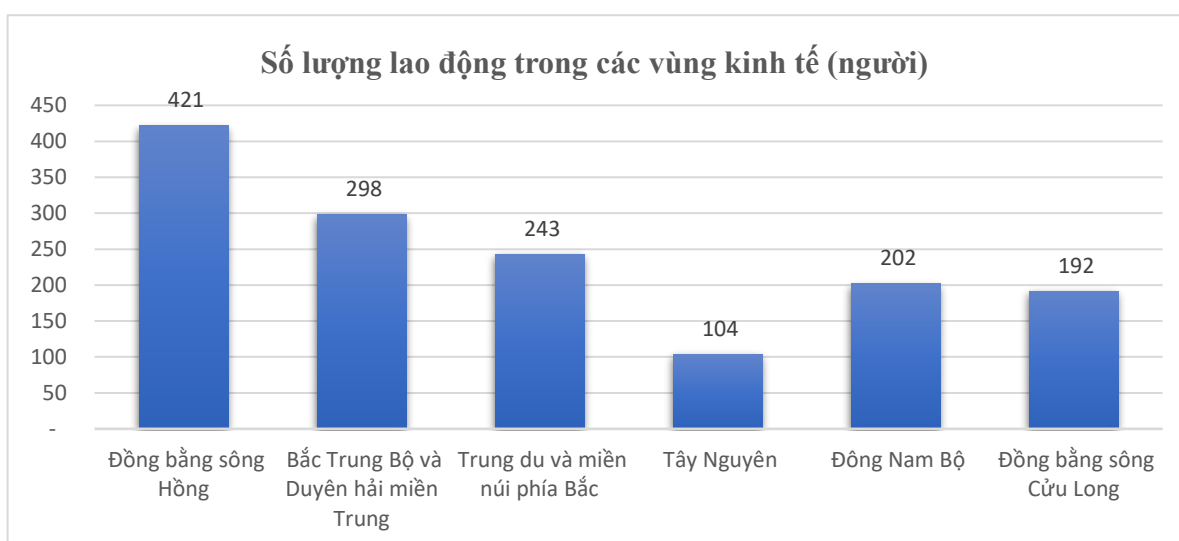
thuộc cơ sở của cơ quan thuộc hệ thống lập pháp chiếm tỷ lệ lao động thấp nhất với gần 2,2 nghìn lao động, chiếm 0,2%.

Bảng 03: Số lượng lao động phân theo loại hình hoạt động thời điểm 31/12/2020

STT	Chỉ tiêu	Lao động (nghìn người)	Cơ cấu (%)
1	Tổng số	1.459,1	100,00
2	Cơ quan thuộc hệ thống lập pháp (Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội)	2,2	0,15
3	Cơ quan hành pháp (Chính phủ, Bộ/ngành, HĐND, UBND các cấp và cơ sở thuộc hệ thống này)	1.349,8	92,51
4	Cơ quan tư pháp (Tòa án, Viện Kiểm sát, cơ sở thuộc Tòa án, Viện Kiểm sát)	35,9	2,46
5	Cơ quan thuộc Đảng Cộng sản Việt Nam	39,9	2,74
6	Cơ sở thuộc tổ chức chính trị - xã hội	31,2	2,14

Tuy số lượng cơ sở hành chính, cơ quan của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội chỉ chiếm vị trí thứ 3 trong 6 vùng kinh tế, nhưng số lượng lao động tại vùng đồng bằng sông Hồng lại chiếm vị trí lớn nhất trong 6 vùng kinh tế

Tính đến thời điểm 31/12/2020, số lượng lao động tại vùng đồng bằng sông Hồng chiếm tỷ lệ cao nhất cả nước đạt 421,3 nghìn lao động, chiếm 28,9%, thứ hai là vùng Bắc trung bộ và Duyên hải miền trung đạt 297,7 nghìn lao động, chiếm 20,4%; thứ ba là vùng Trung du và miền núi phía Bắc đạt 242,8 nghìn lao động, chiếm 16,6%; thứ tư là vùng Đông nam bộ đạt 201,8 nghìn lao động chiếm 13,8%; thứ năm là vùng đồng bằng sông Cửu Long đạt là 191,5 nghìn lao động, chiếm 13,1% và xếp cuối cùng là vùng Tây nguyên đạt 103,9 nghìn lao động chiếm 7,1%.

Hình 02: Số lượng lao động phân theo vùng kinh tế

3. Lao động bình quân bình quân trên cơ sở hành chính, cơ quan của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội có sự phân hoá khá rõ nét theo loại hình hoạt động và theo vùng kinh tế

Bình quân lao động trên một cơ sở trong Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 đạt 45 người/cơ sở, trong đó, lao động bình quân trên 1 cơ sở của cơ quan hành chính là cao nhất và đạt 53 người/cơ sở, thứ hai là cơ quan thuộc hệ thống lập pháp đạt 42 người/cơ sở, xếp thứ ba là cơ quan thuộc Đảng cộng sản đạt 38 người/cơ sở, thứ tư là cơ quan tư pháp đạt 21 người/cơ sở và xếp cuối cùng là cơ sở thuộc tổ chức chính trị-xã hội đạt 7 người/cơ sở.

Bảng 04: Số lượng lao động bình quân trên một cơ sở phân theo loại hình hoạt động và theo vùng kinh tế

Đơn vị tính: người/cơ sở

STT	Chỉ tiêu	Tổng số	Chia ra:				
			Cơ quan thuộc hệ thống lập pháp	Cơ quan hành pháp	Cơ quan tư pháp	Cơ quan thuộc Đảng Cộng sản	Tổ chức chính trị - xã hội
1	Tổng số	45	42	53	21	38	7
2	Đồng bằng sông Hồng	65	97	75	25	50	10
3	Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	39	26	47	18	35	7

STT	Chỉ tiêu	Tổng số	Chia ra:				
			Cơ quan thuộc hệ thống lập pháp	Cơ quan hành pháp	Cơ quan tư pháp	Cơ quan thuộc Đảng Cộng sản	Tổ chức chính trị - xã hội
4	Trung du và miền núi phía Bắc	36	25	42	16	29	7
5	Tây Nguyên	38	37	45	17	35	6
6	Đông Nam Bộ	65	46	78	33	43	9
7	Đồng bằng sông Cửu Long	34	21	40	21	41	6

Trên giác độ phân theo vùng kinh tế, vùng đồng bằng sông Hồng và vùng Đông nam bộ có số lượng lao động bình quân trên một cơ sở cao nhất với 65 người/cơ sở, tiếp đến là vùng Bắc trung bộ và Duyên hải miền Trung với 39 lao động/cơ sở, Tây nguyên là 38 người/ cơ sở, vùng Trung du và miền núi phía Bắc là 36 người/cơ sở và cuối cùng là vùng đồng bằng sông Cửu Long là 34 người/cơ sở.

4. Tỷ lệ sử dụng dịch vụ internet phục vụ cho hoạt động của các cơ quan hành chính, cơ quan của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội đạt tỷ lệ rất cao, tuy nhiên số lượng các đơn vị này có cổng thông tin điện tử/trang thông tin điện tử riêng còn rất thấp

Tỷ lệ sử dụng dịch vụ internet tại các cơ quan hành chính, cơ quan của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội đạt 93,5%. Trong đó, cơ quan tư pháp đạt tỷ lệ cao nhất là 97,1%, thứ hai là cơ quan thuộc tổ chức chính trị - xã hội và cơ quan thuộc hệ thống lập pháp là 96,2%, xếp thứ 4 là cơ quan Đảng cộng sản đạt 95,7% và xếp cuối cùng là cơ quan hành chính đạt 92,7%

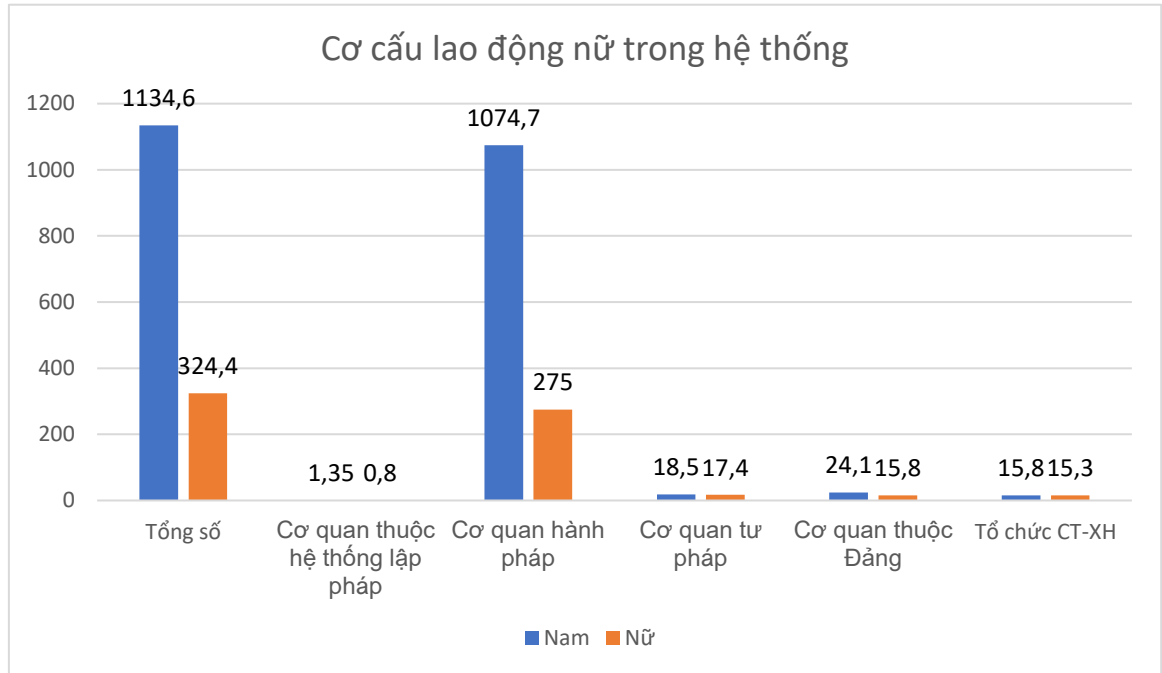
Đối với các vùng kinh tế, 3 vùng kinh tế là Tây nguyên, Đông Nam bộ và đồng bằng sông Cửu Long có tỷ lệ sử dụng dịch vụ internet lớn nhất, tương ứng lần lượt là 94,4%, 94,3% và 94,5%; tiếp đến là vùng đồng bằng sông Hồng đạt 93,2% và vùng bắc trung bộ và duyên hải miền Trung đạt là 92,9% và xếp cuối cùng là vùng Trung du và miền núi phía Bắc đạt 92,8%

Tổng quan chung, tỷ lệ cơ sở hành chính, cơ quan của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội có cổng thông tin/trang thông tin điện tử riêng chỉ đạt 26,1%, trong đó, cơ quan thuộc hệ thống lập pháp đạt tỷ lệ cao nhất là 28,9%; thứ hai là cơ quan hành pháp đạt 28,6%; thứ ba là cơ quan Đảng cộng sản đạt gần 25%; thứ tư là cơ quan tư pháp đạt gần 16% và xếp cuối cùng là tổ chức chính trị - xã hội đạt gần 15%.

II. ĐÁNH GIÁ MỘT SỐ CHỈ TIÊU CƠ BẢN VỀ LAO ĐỘNG

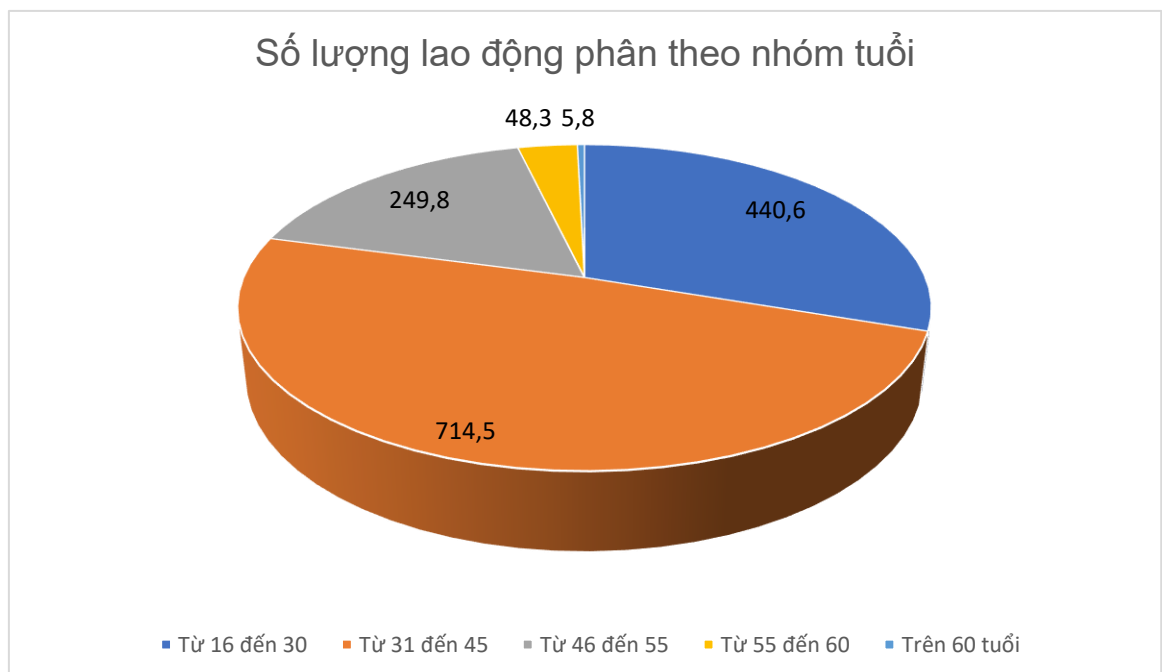
1. Số lượng lao động nữ trong khối cơ quan hành chính có tỷ lệ không cao

Lao động nữ tại thời điểm 31/12/2020 có 324,4 nghìn lao động, chiếm 22,23% tổng số lao động cùng kỳ. Sự phân bố lao động trong các khối và theo vùng miền cũng có những điểm khác nhau.



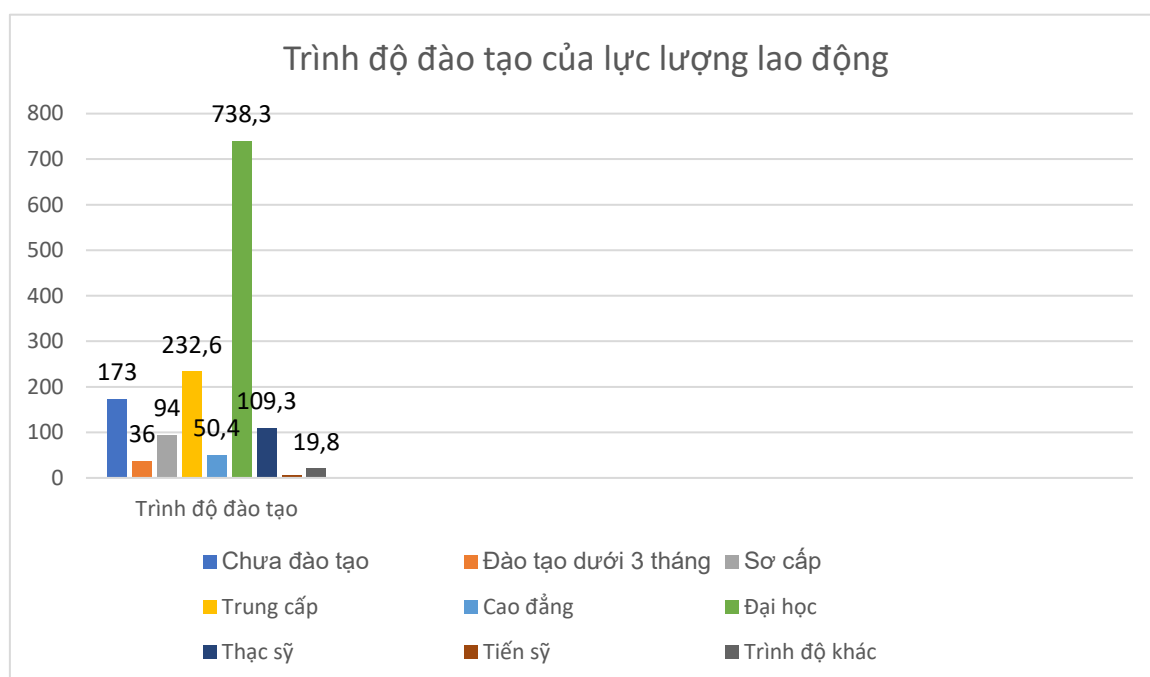
2. Số lượng lao động trong các cơ sở hành chính phân theo nhóm tuổi được phân bố hợp lý

Trong đó, lao động thuộc nhóm tuổi từ 16 đến 45 tuổi chiếm 79,16%, với tỷ lệ này cho thấy độ tuổi của nguồn nhân lực trong khối hành chính là rất ổn định.



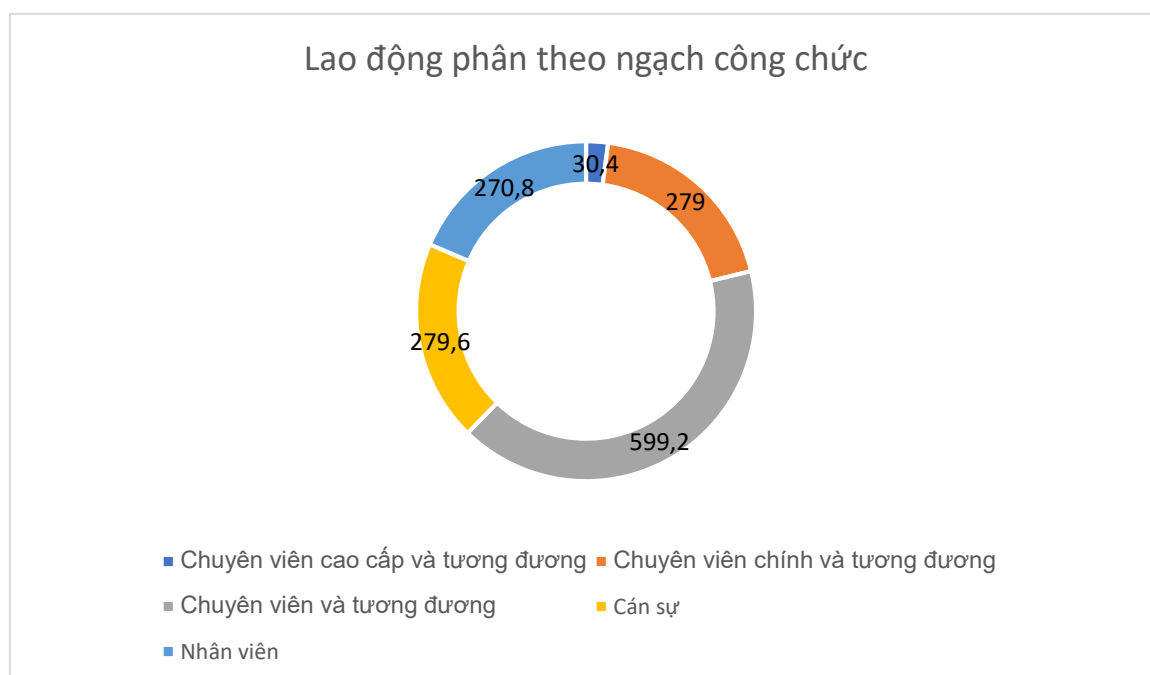
3. Trình độ đào tạo của lực lượng lao động

Trình độ đào tạo của lực lượng lao động từ đại học trở lên chiếm 58,4%. Đáng chú ý trong số lao động còn 11,87% lao động chưa qua đào tạo.



4. Lao động trong các cơ sở hành chính phân theo ngạch công chức và tương đương

Lao động là được xếp ngạch công chức từ chuyên viên trở lên chiếm 62,28%, số còn lại là cán sự, nhân viên chiếm 37,72%.



Trên đây là một số thông tin sơ bộ về kết quả Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 với những chỉ tiêu liên quan đến lực lượng lao động, ngoài ra, một số kết quả khác được thể hiện trên các biểu mẫu đính kèm. Ban Chỉ đạo Điều tra CSHC Trung

ương đang đẩy nhanh tiến độ xử lý để công bố kết quả chính thức Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 trong thời gian sớm nhất. Kết hợp với dữ liệu khai thác từ các nguồn dữ liệu hành chính của ngành các dữ liệu có liên quan khác,... kết quả chính thức sẽ được công bố với hệ thống các chỉ tiêu thống kê chi tiết, đầy đủ và những phân tích chuyên sâu, chuyên đề thông qua nhiều hình thức nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu thông tin thống kê của Đảng, Nhà nước và các đối tượng dùng tin khác./.

PHẦN IV
CÁC BIỂU SỐ LIỆU

